

Hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về phát triển khoa học và công nghệ nhằm thúc đẩy công nghiệp hóa, hiện đại hóa trên địa bàn tỉnh Bắc Giang

Nguyễn Đức Kiên

Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ

Trong những năm qua, bên cạnh việc tập trung thu hút đầu tư cho phát triển công nghiệp, tỉnh Bắc Giang quan tâm phát triển nông nghiệp và đánh giá nông nghiệp đóng vai trò hết sức quan trọng, xác định phát triển nông nghiệp vẫn là trụ đỡ của nền kinh tế. Các sản phẩm chủ lực của tỉnh đều có đóng góp của ngành khoa học và công nghệ (KH&CN).

1. Hiệu quả của việc ban hành chính sách, pháp luật về phát triển KH&CN thúc đẩy công nghiệp hóa, hiện đại hóa (CNH, HĐH)

Trong thời gian qua, nhiều văn bản về KH&CN đã được ban hành, tạo hành lang pháp lý thực thi chính sách KH&CN như: Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ năm 2009; Luật Chuyển giao

công nghệ năm 2006; Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật năm 2006; Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa năm 2007; Luật Năng lượng nguyên tử năm 2008; Luật Công nghệ cao năm 2008; Luật Đo lường năm 2011; Luật KH&CN năm 2013...

Chủ trương đẩy mạnh đổi mới của Đảng và Nhà nước mở ra cơ hội cho đổi mới cơ chế quản lý KH&CN của các tỉnh, thành trong cả nước, trong đó có Bắc Giang. Đổi mới cơ chế quản lý KH&CN tạo sự gắn kết giữa hoạt động KH&CN với hoạt động sản xuất kinh doanh, từ đó sẽ có nhiều hình thức phong phú, nhiều cơ chế đa dạng khuyến khích các lực lượng KH&CN hướng hoạt động của mình vào phục vụ phát triển kinh tế - xã hội. Đây là một cơ hội để tỉnh tranh thủ thu hút lực lượng KH&CN cả nước vào hỗ trợ cho sự

công nghiệp phát triển của địa phương.

Việc ban hành các chính sách, pháp luật trong lĩnh vực KH&CN thời gian qua đã tạo được hành lang pháp lý phục vụ hoạt động quản lý nhà nước về KH&CN trong thời kỳ CNH, HĐH và hội nhập kinh tế, quốc tế. Đồng thời, là cơ sở pháp lý để thúc đẩy các hoạt động nghiên cứu - ứng dụng và khuyến khích doanh nghiệp tham gia vào các hoạt động nghiên cứu, đổi mới công nghệ, nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm phục vụ sản xuất và đời sống.

Theo đó, các văn bản chỉ đạo liên quan của tỉnh được cụ thể hóa để triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao như: Hoạt động nghiên cứu - ứng dụng trên địa bàn tỉnh đã được thực hiện trên cơ sở tuyển chọn theo nguyên tắc cạnh tranh và giảm bớt



PCT UBND tỉnh Dương Văn Thái kiểm tra đề tài sản xuất lúa lai hai dòng, ba dòng tại huyện Tân Yên

các khâu trung gian. Các thể chế hỗ trợ cho phát triển thị trường công nghệ đã bước đầu được hình thành. Hoạt động chuyển giao công nghệ, sở hữu trí tuệ đã tạo điều kiện cho việc thương mại hóa các thành quả KH&CN. Hình thành kênh giao dịch thị trường thúc đẩy hoạt động mua bán thiết bị và các sản phẩm KH&CN. Việc phân công, phân cấp trong quản lý nhà nước về KH&CN đã được cải tiến thông qua việc hoàn thiện tổ chức bộ máy, quy định rõ chức năng, nhiệm vụ và trách nhiệm của Sở, cơ quan quản lý KH&CN cấp huyện.

Trong những năm qua dưới sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng và sự quản lý điều hành của chính quyền các cấp cùng với việc tranh thủ sự hỗ trợ của Trung ương,

các trường đại học, các viện nghiên cứu để triển khai các nhiệm vụ KH&CN, hoạt động KH&CN của tỉnh đã có những đóng góp quan trọng vào Nghị Quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII, vào sự tăng trưởng kinh tế - xã hội của tỉnh. Kết quả đó đã khẳng định vai trò của KH&CN tạo động lực trong phát triển kinh tế và an sinh xã hội, hội nhập kinh tế quốc tế.

2. Một số kết quả nghiên cứu, ứng dụng KH&CN tiêu biểu

Thông qua việc triển khai các nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia, cấp Bộ và cấp tỉnh, kết quả nghiên cứu KH&CN trong những năm qua (trong đó khoa học xã hội và nhân văn) đã từng bước cung cấp những luận cứ khoa học cho việc hoạch định chính sách,

chiến lược quy hoạch, phát triển kinh tế - xã hội, làm cơ sở cho việc chuyển dịch cơ cấu sản xuất và những lĩnh vực quan trọng khác của tỉnh:

Hoạt động khoa học xã hội và nhân văn (KHXH&NV) được chú trọng, quan tâm nhằm nghiên cứu những luận cứ khoa học phục vụ cho việc hoạch định các chủ trương, đường lối, chính sách phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; khơi dậy nội lực, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa; khôi phục, bảo tồn những di sản văn hóa vật thể và phi vật thể (kho mộc bản chùa Vĩnh Nghiêm, chùa Bồ Đà; dân ca quan họ, ca trù...). Nghiên cứu ứng dụng trong lĩnh vực KHXH&NV đã giúp vận dụng có hiệu quả các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà

nước vào điều kiện cụ thể của địa phương, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa của Bắc Giang.

Nhiều sản phẩm hàng hóa truyền thống, đặc sản của tỉnh được hỗ trợ xây dựng thương hiệu, cấp chứng nhận bảo hộ về sở hữu trí tuệ như: Vải thiều Lục Ngạn, mây tre đan Tăng Tiến, rượu làng Vân, mật ong Lục Ngạn, mỳ Kế, nếp Phi Điền, gà đồi Yên Thế, mỳ Chũ, gạo thơm Yên Dũng... đã giúp tăng sức cạnh tranh của các sản phẩm hàng hóa của tỉnh trên thị trường, tạo việc làm và tăng thu nhập cho nhân dân. Một số sản phẩm nông sản chủ lực của tỉnh như: Xây dựng chỉ dẫn địa lý cho sản phẩm vải thiều của tỉnh Bắc Giang. Trong đó, 100ha vải thiều của huyện Lục Ngạn được cấp chứng nhận GlobalGAP. Sản phẩm vải thiều Lục Ngạn đã chính thức được đăng bạ chỉ dẫn địa lý năm 2008 và là chỉ dẫn địa lý thứ 15 của cả nước được bảo hộ. Điều này giúp mở rộng thị trường của sản phẩm ra các tỉnh và thị trường nước ngoài như Trung Quốc, Nhật Bản, các nước ASEAN. Như vậy, KH&CN đã góp phần làm tăng giá trị cho sản phẩm vải thiều.

Bên cạnh vải thiều, việc phát triển nhãn hiệu chứng nhận gà đồi Yên Thế, góp phần tích cực phát triển đàn gà khoảng 14,5 triệu con. Chú trọng chăn nuôi theo

quy trình an toàn sinh học, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. Gà đồi Yên Thế đã được tiêu thụ ở nhiều địa phương trong toàn quốc, ở các siêu thị của các thành phố lớn như Hà Nội, Quảng Ninh. Hiện nay, tỉnh Bắc Giang cũng đã bảo hộ nhãn hiệu “Gà đồi Yên Thế” ra một số nước: Thái Lan, Lào, Trung Quốc, Campuchia và Singapore.

Trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp, nhiều tiến bộ kỹ thuật đã được áp dụng vào thực tiễn đem lại hiệu quả kinh tế cao; nhiều giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản mới có năng suất, chất lượng cao được đưa vào sản xuất. Các nghiên cứu - ứng dụng trong quy hoạch các vùng sản xuất phù hợp với đặc điểm sinh thái, nghiên cứu lựa chọn công nghệ thích hợp phục vụ cho công nghiệp chế biến và phát triển công nghiệp nông thôn, làng nghề đã tạo ra nhiều nông sản hàng hóa, tạo thêm nghề và việc làm mới ở nông thôn. Kết quả triển khai đề tài, dự án KH&CN đã góp phần hình thành các vùng sản xuất hàng hóa của tỉnh: Vùng cam V2 Yên Thế; vùng dứa liệu ba kích, hà thủ ô, ngưu tất, địa liền, địa hoàng... tại huyện Việt Yên, Hiệp Hòa, Lục Nam, Sơn Động; vùng lúa lai F1 ở Tân Yên; vùng bưởi Hiệp Hòa... Nhiều cây trồng, vật nuôi có năng suất cao, chất lượng tốt, đáp ứng yêu cầu thời

vụ được ứng dụng vào sản xuất góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh như: Lúa P6ĐB, BG6, gà ri vàng rơm, gà ri cải tiến, trâu lai hướng thịt... Ứng dụng công nghệ cao nhà màn, nhà khí canh trong sản xuất khoai tây giống sạch bệnh...

Việc nghiên cứu, ứng dụng các giống lúa lai hai dòng, ba dòng, giống lúa chất lượng, giống lúa cực ngắn ngày chất lượng cao, kháng rầy nâu như: HDT8, ĐS1, QR1, RVT, VS1, BG6, P6ĐB, đã góp phần mở rộng diện tích lúa chất lượng, lúa hàng hóa của toàn tỉnh. Diện tích gieo trồng các giống lúa chất lượng (giống HT1, BG1, BG6, BC15, Thiên ưu 8) được mở rộng. Đến năm 2015, diện tích sản xuất lúa chất lượng ước đạt 26.000ha, sản lượng ước đạt 145.000 tấn. Vùng trồng lúa chất lượng tập trung chủ yếu tại các huyện: Yên Dũng, Việt Yên, Hiệp Hòa, Tân Yên, Lạng Giang, Lục Nam, Lục Ngạn. Xây dựng vùng sản xuất hạt giống lúa lai F1 tại huyện Tân Yên. Dự án Xây dựng nhãn hiệu tập thể gạo thơm Yên Dũng, từ diện tích mô hình 40ha đã nhân rộng lên 400ha, giá bán tăng trung bình 2.000 đồng/kg, thị trường tiêu thụ khá ổn định.

Đối với việc hình thành các sản phẩm rau chế biến, rau an toàn, năm 2015, tổng diện tích cây rau thực phẩm các loại khoảng 25.000ha, sản lượng đạt trên 340.000

tấn. Tiếp tục triển khai xây dựng mô hình chuyển giao công nghệ sản xuất rau an toàn theo hướng VietGAP bằng chuỗi liên kết sản xuất - bảo quản - tiêu thụ. KH&CN đã góp phần hình thành vùng rau chế biến hàng hóa tập trung ở một số huyện như: Lạng Giang, Tân Yên, Lục Nam và thành phố Bắc Giang. Trong tổ chức sản xuất đã thực hiện việc liên kết khép kín từ sản xuất đến tiêu thụ; có sự liên kết chặt chẽ giữa doanh nghiệp, nhà khoa học, nhà quản lý và người nông dân.

3. Thực hiện đồng bộ một số giải pháp phát triển KH&CN thúc đẩy CNH, HĐH giai đoạn 2016 - 2020

Một là, Chính phủ, các Bộ tiếp tục hoàn thiện hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật theo Hiến pháp 2013 và Luật KH&CN 2013. Trong đó, đặc biệt chú ý hoàn thiện văn bản hướng dẫn về cơ chế tài chính, cơ chế chính sách về đầu tư, chuyển giao công nghệ, thẩm định công nghệ, chính sách ưu đãi nhân lực KH&CN có trình độ cao...

Hai là, gắn kết hoạt động quản lý nhà nước về tiêu chuẩn đo lường chất lượng với các doanh nghiệp, các cơ sở sản xuất kinh doanh, để hoạt động quản lý nhà nước thực sự là cầu nối, là bạn đồng hành cùng các doanh nghiệp, các cơ sở sản xuất kinh doanh, từ đó để các đơn vị sẵn sàng đầu



Mô hình trồng cam V2 ở Yên Thế

tư kinh phí thực hiện tốt và đầy đủ các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn đo lường chất lượng.

Ba là, công tác quản lý nhà nước về KH&CN cần tiếp tục đổi mới cho phù hợp với thực tiễn, đồng thời tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật nhằm đẩy mạnh nghiên cứu và ứng dụng KH&CN, cải thiện năng lực cạnh tranh của sản phẩm hàng hóa và doanh nghiệp, thu hút doanh nghiệp đầu tư ứng dụng KH&CN là một định hướng quan trọng nhằm nâng cao hiệu quả ứng dụng KH&CN trong sản xuất và đời sống.

Bốn là, tiếp tục tăng cường đầu tư đồng bộ các yếu tố cả về nhân lực, tài chính, máy móc, trang thiết bị, để nâng cao hiệu quả hoạt động, đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ của công tác quản lý nhà nước về KH&CN, tiếp tục nhận được

sự quan tâm chỉ đạo hoạt động KH&CN của tỉnh (các đề tài, dự án cấp quốc gia, các nhiệm vụ KH&CN thuộc Chương trình nông thôn - miền núi).

Năm là, tiếp tục tăng cường huy động nguồn vốn từ ngân sách nhà nước: Từ nay đến năm 2020, đảm bảo mức tăng chi ngân sách địa phương cho KH&CN đạt 1,5% tổng chi ngân sách, sử dụng có hiệu quả nguồn vốn ngân sách đầu tư cho KH&CN. Do đó, việc thực hiện Nghị quyết TW II, Nghị quyết TW VI (khóa 9), Nghị quyết TW VI (khóa 10), tăng nguồn kinh phí và tập trung phát triển nguồn nhân lực KH&CN là một điều kiện quan trọng cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh./.

Cuộc bầu cử Đại biểu Quốc hội, HĐND tỉnh, xã khóa 1 ở Bắc Giang đã xây dựng nền tảng vững chắc chính quyền của dân, do dân, vì dân

Ngô Văn Cường

Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Bắc Giang

Ngày 2-9-1945, tại Ba Đình - Hà Nội, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ Cách mạng lâm thời Việt Nam Dân chủ Cộng hòa trình trọng đọc bản Tuyên ngôn độc lập tuyên bố nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nhà nước công nông đầu tiên ở Đông Nam Á ra đời. Trong bối cảnh lịch sử chung của cả nước, nhân dân các dân tộc tỉnh Bắc Giang vừa mới được hưởng quyền tự do và độc lập thì đã phải liên tiếp chống đỡ với giặc ngoài, thù trong và nhiều khó khăn trở ngại cùng một lúc dồn tới.

Cuối tháng 8, đầu tháng 9-1945, hàng chục vạn quân Tưởng Giới Thạch mượn danh nghĩa quân Đồng Minh ồ ạt kéo qua tỉnh Bắc Giang vào miền Bắc Việt Nam để “tước vũ khí quân đội Nhật”. Đến ngày 10-9-1945, có khoảng 2.000 quân Tưởng đóng ở thị trấn Kép, huyện

Lạng Giang 1 tiểu đoàn và Phủ Lạng Thương 2 tiểu đoàn. Là đội quân ô hợp, quân đội Tưởng đã yêu sách chính quyền ta về nhà ở, lương thực, thực phẩm và cả thuốc phiện, gây ra rất nhiều khó khăn cho nhân dân. Quân Tưởng đã trắng trợn nâng vức bọn Quốc dân Đảng phản động và thổ phỉ nổi lên chống lại chính quyền cách mạng ở địa phương, gây rối trật tự an ninh trong nhân dân. Chúng bàn mưu, tính kế và đã có những hành động chống lại chính quyền cách mạng.

Chính quyền cách mạng phải giải quyết nhiều hậu quả nặng nề do nền kinh tế què quặt, nghèo nàn do thực dân Pháp, phát xít Nhật để lại. Nạn lụt lớn xảy ra ở các huyện Yên Dũng, Việt Yên, Lạng Giang và hạn hán kéo dài ở các châu, phủ miền núi đã gây ra những thiệt hại nghiêm trọng trong sản

xuất nông nghiệp. Nạn đói ở Bắc Giang diễn ra ít căng thẳng hơn các tỉnh khác, nhưng cũng có hàng nghìn người chết. Riêng châu Sơn Động là nơi đất rộng, người thưa cũng có tới 500 người chết đói. Trong khi đó, hàng nghìn người ở các tỉnh Thái Bình, Bắc Ninh, Hải Dương, Nam Định lưu tán đến Bắc Giang cũng phải chịu chung cảnh thiếu cơm ăn, áo mặc. Các loại dịch bệnh như sốt rét, vàng da, tả, lỵ, thương hàn... vẫn còn tiếp diễn mà không có thuốc điều trị. Các tệ nạn xã hội như nghiện hút thuốc phiện, rượu chè, cờ bạc, mại dâm và các hủ tục lạc hậu... vẫn chưa bị đẩy lùi. Phần lớn cán bộ chính quyền cấp huyện, xã trình độ năng lực yếu, chưa có kinh nghiệm quản lý hành chính nên việc thi hành nhiệm vụ được giao còn lúng túng, chậm chạp.

Đứng trước những thử



thách cực kỳ nghiêm trọng, Đảng bộ và nhân dân tỉnh Bắc Giang dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh kính yêu đã đoàn kết một lòng, kiên quyết chống giặc ngoại xâm, diệt trừ bọn phản động, chống giặc đói, giặc dốt để bảo vệ vững chắc chính quyền cách mạng. Trước sự mệnh lịch sử vô cùng nặng nề đó, đầu tháng 10 năm 1945, Hội nghị đại biểu Đảng bộ tỉnh Bắc Giang được tổ chức tại đình làng Đìa Đông, xã Dĩnh Trì (nay thuộc thành phố Bắc Giang) nhằm đánh giá tình hình và đề ra những chủ trương mới. Về phần kiểm điểm sự lãnh đạo của Đảng bộ, Hội nghị ghi nhận vai trò chủ động, sáng tạo của các Chi bộ cơ sở và Đảng viên trong việc tổ chức quần chúng khởi nghĩa giành chính quyền thắng lợi. Uy tín của Mặt trận Việt Minh được nâng cao và được các tầng lớp nhân dân ủng hộ, đã tổ chức thực hiện tốt các chỉ thị, nghị quyết của Đảng. Nhân dân các dân tộc trong tỉnh đoàn kết một lòng, kiên quyết vùng lên đập tan chính quyền địch. Trong phần phương hướng nhiệm vụ, Hội nghị đã chỉ rõ những việc cấp bách phải làm ngay là: Lãnh đạo toàn dân tăng cường đoàn kết, xây dựng lực lượng vũ trang, ủng hộ đồng bào Nam Bộ kháng chiến, tích cực trấn áp bọn

phản động và tiêu trừ thổ phỉ; bảo vệ và củng cố vững chắc chính quyền cách mạng, đấu tranh mềm dẻo khôn khéo với quân Tưởng; đẩy mạnh tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm để chống đói; phát động phong trào bình dân học vụ, phong trào vệ sinh phòng bệnh và xây dựng nếp sống văn hóa mới. Nghị quyết của Hội nghị đại biểu Đảng bộ tỉnh đã thúc đẩy phong trào cách mạng của các địa phương phát triển đều khắp và mạnh mẽ. Ở các huyện, thị xã, phủ, châu đều tổ chức mít tinh, diễn thuyết tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng và Chính phủ trong nhân dân. Mặt trận Việt Minh và các đoàn thể cứu quốc được tổ chức chặt chẽ. Nhiều cán bộ được đào tạo, bồi dưỡng qua các lớp chính trị, quân sự trở về các địa phương, hướng dẫn, động viên mọi tầng lớp Nhân dân hăng hái tham gia hoạt động trong phong trào cách mạng do tỉnh phát động.

Một trong những nhiệm vụ cấp bách đầu tiên được Tỉnh ủy hết sức quan tâm lãnh đạo tổ chức thực hiện là việc xây dựng và bảo vệ chính quyền vững mạnh từ tỉnh đến cơ sở. Ngay sau khi khởi nghĩa giành chính quyền thắng lợi, Ủy ban nhân dân Cách mạng lâm thời tỉnh Bắc Giang được thành lập. Đến cuối năm 1945, Ủy ban nhân dân Cách

mạng lâm thời của 9 huyện, phủ, châu, thị xã và 437 xã trong tỉnh cũng được thành lập. Nhiều cán bộ, đảng viên được phân công trực tiếp lãnh đạo các ngành, các giới và cơ sở. Một số công chức cũ và nhiều nhân sĩ, trí thức, tư sản, địa chủ có tinh thần yêu nước và hành động tiến bộ được giữ lại làm việc trong các Ủy ban nhân dân Cách mạng.

Theo chủ trương của Trung ương Đảng, ngày 8-9-1945, Chính phủ ra Sắc lệnh mở cuộc Tổng tuyển cử để bầu Quốc dân Đại hội (Quốc hội). Ngày 22-11-1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 63 quy định về bầu cử, tổ chức, cách làm việc của Hội đồng nhân dân và Ủy ban hành chính các cấp.

Chấp hành chủ trương của Trung ương Đảng và sắc lệnh của Chính phủ, Tỉnh ủy, Mặt trận Việt Minh, chính quyền các cấp đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo chuẩn bị bầu cử. Dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, ngoài việc chuẩn bị về tổ chức, đảng viên ở các Chi bộ, hội viên trong Mặt trận Việt Minh và các đoàn thể cứu quốc đều tích cực tham gia học tập mục đích, ý nghĩa của cuộc bầu cử. Công tác tuyên truyền giáo dục về nghĩa vụ và quyền lợi của công dân, về trách nhiệm xây dựng, củng cố chính quyền được tiến hành rộng rãi trong nhân dân.

Ngày 5-1-1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra lời kêu gọi toàn dân đi bỏ phiếu, nêu rõ tầm quan trọng và ý chí của dân tộc ta trong ngày bầu cử. Thực hiện lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh và dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Tỉnh uỷ, ngày 6-1-1946, nhân dân các dân tộc tỉnh Bắc Giang cùng với nhân dân cả nước hăng hái tham gia cuộc bầu cử Quốc hội. Lần đầu tiên trong lịch sử dân tộc, trên 90% công dân trong tỉnh từ 18 tuổi trở lên, không phân biệt già, trẻ, nam, nữ, giàu, nghèo, dân tộc, tôn giáo, địa vị xã hội đã nô nức đi bầu cử Quốc hội khóa đầu tiên của Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Việc tuyên truyền, vận động và tổ chức bầu cử diễn ra tại Bắc Giang trong tình hình rất khó khăn, phức tạp. Quân đội Tưởng, các đảng phái phản động (Quốc dân Đảng, Đại Việt) và một số tầng lớp trên (tư sản, địa chủ) đã chống lại ta quyết liệt. Chúng tuyên truyền xuyên tạc chủ trương của Chính phủ và đã kích nhử những đại biểu do Mặt trận Việt Minh giới thiệu. Nhưng dưới sự lãnh đạo của Tỉnh uỷ, với sức mạnh đoàn kết toàn dân, cuộc bầu cử vẫn tiến hành thắng lợi. Cử tri được giác ngộ cách mạng, biết phân biệt rõ bạn - thù, kẻ xấu - người tốt, đã sáng suốt lựa chọn, nên trong số 10 người ra ứng cử, chỉ có

4 đại biểu: Ninh Văn Phan, Nguyễn Dương Hồng, Trần Kim Xuyên, Nguyễn Mạnh Khuông trúng cử vào Quốc hội khoá I đều do Mặt trận Việt Minh giới thiệu.

Khi xây dựng chính quyền, Chính phủ bỏ cấp tổng, hợp nhất các xã nhỏ (hầu hết là các làng) thành xã lớn (liên thôn). Đến trước khi bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp, tỉnh Bắc Giang từ 437 xã được hợp nhất lại còn 145 xã. Được sự chỉ đạo của Trung ương, Tỉnh uỷ đề ra kế hoạch lãnh đạo chặt chẽ cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân tỉnh và xã khoá đầu tiên. Mặt trận Việt Minh và chính quyền từ tỉnh đến cơ sở phối hợp với các ngành, đoàn thể tổ chức hiệp thương giới thiệu đại biểu đồng thời mở đợt tuyên truyền giáo dục mục đích, ý nghĩa của cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân tỉnh trong nhân dân và vận động cử tri đi bỏ phiếu. Do làm tốt công tác tuyên truyền, vận động và được nhân dân hưởng ứng, nên ngày 5 tháng 7 năm 1946, cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân tỉnh đã thành công rực rỡ. Cử tri trong tỉnh đã bầu được 22 đại biểu do Mặt trận Việt Minh giới thiệu. Sau đó, cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân xã cũng được tổ chức đạt kết quả tốt.

Sau cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân, chính quyền cách mạng từ tỉnh đến cơ sở được chấn chỉnh thêm

một bước. Lớp tập huấn nghiệp vụ hành chính đầu tiên của tỉnh được mở tại đình làng Thọ Xương (tức làng Thương - nay là khu vực Thư viện, Bảo tàng tỉnh). Hoạt động của chính quyền từng bước đi vào nề nếp. Trong quá trình xây dựng, củng cố chính quyền cách mạng có một số cán bộ thuộc thành phần tư sản, địa chủ phẩm chất đạo đức kém, quan liêu, xa rời quần chúng đã từng bước bị đào thải. Ở các công sở có một vài trường ty năng lực kém, thiếu tinh thần trách nhiệm cũng kịp thời được thay thế.

Việc giành chính quyền trong Cách mạng tháng Tám đã khó, nhưng việc xây dựng, giữ chính quyền sau ngày độc lập còn khó hơn trong bối cảnh "thù trong giặc ngoài". 70 năm qua (1946 - 2016), với sự kiện Cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội (ngày 6 tháng 1 năm 1946), HĐND tỉnh, xã khoá I (ngày 5 tháng 7 năm 1946) ở tỉnh Bắc Giang thành công, đó là một trong những thử thách đầu tiên giành thắng lợi của chính quyền cách mạng non trẻ, để lại nhiều bài học kinh nghiệm quý báu; có ý nghĩa xác lập nền tảng vững chắc chính quyền của dân, do dân, vì dân./.

Khoa học và công nghệ có bước phát triển mạnh mẽ sau năm đổi mới **30**

30 năm đổi mới (1986 - 2016) là một giai đoạn lịch sử quan trọng trong sự nghiệp phát triển của đất nước, đánh dấu sự trưởng thành về mọi mặt của Đảng, Nhà nước và Nhân dân. Khoa học và công nghệ là một trong những lĩnh vực được Đảng và Nhà nước quan tâm từ rất sớm, đến nay nhìn lại 30 năm đổi mới, có thể khẳng định cuộc cách mạng khoa học và công nghệ đã có bước phát triển mạnh mẽ, đạt được nhiều thành tựu to lớn, thúc đẩy sự phát triển nhảy vọt trên nhiều lĩnh vực, đóng góp xứng đáng vào sự phát triển chung của đất nước.

Hệ thống văn bản chính sách pháp luật được hoàn thiện

Ông Phạm Quang Trung, Phó Bí thư Đảng ủy chuyên trách, Bộ Khoa học và Công nghệ nhấn mạnh thành tựu quan trọng và phát huy hiệu quả, góp phần thúc đẩy sự phát triển của khoa học và công nghệ chính là hệ thống

văn bản chính sách pháp luật được hoàn thiện.

Có thể nói, sự quan tâm đầu tư của Đảng và Nhà nước cho khoa học và công nghệ được “kết tinh” và khẳng định rõ trong giai đoạn 2011 - 2015, với môi trường thể chế và hệ thống pháp luật về khoa học và công nghệ được hoàn thiện.

Quan điểm, đường lối và tầm nhìn dài hạn về phát triển khoa học và công nghệ được thể hiện tại Văn kiện Đại hội XI của Đảng năm 2011, Nghị quyết số 20 ngày 1/11/2012 Hội nghị Trung ương 6, khóa XI về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

Nghị quyết 20 nêu rõ, phát triển và ứng dụng khoa học và công nghệ là một nội dung cần được ưu tiên tập trung đầu tư trước một bước trong hoạt động của các ngành, các cấp; ưu tiên

và tập trung mọi nguồn lực quốc gia cho phát triển khoa học và công nghệ.

Đáng chú ý, ngày 11/4/2012, Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 418 phê duyệt Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ giai đoạn 2011 - 2020 với mục tiêu đưa khoa học và công nghệ thực sự trở thành động lực then chốt, đảm bảo đến năm 2020 khoa học và công nghệ Việt Nam có một số lĩnh vực đạt trình độ tiên tiến, hiện đại của khu vực ASEAN và thế giới.

Nghị quyết 20 và Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ là khung cơ bản để ban hành Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013 (sửa đổi) thay Luật Khoa học và Công nghệ năm 2000. Đây là dấu ấn rất quan trọng, tạo sự thay đổi trong tư duy quản lý hoạt động nghiên cứu và đổi mới sáng tạo cũng như định hướng, để khoa học và công nghệ “bứt phá” và phát triển.

Luật Khoa học và Công

nghe năm 2013 đã tiến thêm một bước trong các nỗ lực tiếp tục đổi mới cơ bản, toàn diện tổ chức, hoạt động và cơ chế quản lý khoa học và công nghệ.

Đổi mới tập trung vào 3 nhóm chế định: Đầu tư và tài chính; chính sách cán bộ; quản lý hoạt động nghiên cứu và ứng dụng khoa học và công nghệ. Hệ thống văn bản dưới Luật cũng được ban hành đồng bộ để hoàn thiện Luật Khoa học và Công nghệ, đưa tinh thần đổi mới của luật đi vào cuộc sống.

Sự ra đời của Luật Khoa học và Công nghệ cùng với Luật Đo lường (2011) và các Luật: Sở hữu trí tuệ (2005); Chuyển giao công nghệ (2006); Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật (2006); Chất lượng sản phẩm, hàng hóa (2007); Năng lượng nguyên tử (2008); Công nghệ cao (2008)... đã tạo thành một hệ thống pháp luật chuyên ngành tương đối hoàn chỉnh, toàn diện, mở ra hành lang pháp lý thuận lợi, đồng bộ cho hoạt động khoa học và công nghệ từng bước trở thành động lực tăng trưởng kinh tế - xã hội.

Nhiều tiêu chí theo chuẩn quốc tế

Cũng theo ông Phạm Quang Trung, thành tựu nổi bật là tốc độ đổi mới công nghệ, thiết bị đạt 10 - 15%/năm giai đoạn 2011 - 2015 và trên 20%/năm giai đoạn 2016 - 2020. Tốc độ đổi mới công nghệ, thiết bị được



Phát triển khoa học và công nghệ cải thiện đáng kể vị thế của khoa học và công nghệ Việt Nam trong khu vực và thế giới. (Ảnh minh họa)

Bộ Khoa học và Công nghệ xây dựng và thống nhất dựa trên phương pháp tính toán tốc độ đổi mới sáng tạo của châu Âu.

Thực tế, trừ một số lĩnh vực có tốc độ đổi mới công nghệ khá nhanh như công nghệ thông tin - viễn thông, dầu khí, hàng không, tài chính - ngân hàng... thì phần lớn vẫn sử dụng công nghệ lạc hậu do nguồn cung và năng lực công nghệ Việt Nam chưa đáp ứng được yêu cầu, các doanh nghiệp chủ yếu phải nhập khẩu máy móc, thiết bị từ nước ngoài để đổi mới công nghệ.

Xếp hạng năng lực cạnh tranh toàn cầu của Việt Nam năm 2015 đã tăng 12 bậc, đứng thứ 56/140 quốc gia xếp hạng, nhưng mức độ sẵn sàng về công nghệ chỉ đứng thứ 92, FDI và chuyển giao công nghệ thứ 81, khả năng tiếp cận công

nghe mới chỉ đứng 112/140 quốc gia.

Nguyên nhân chính do khoa học và công nghệ chưa được xem là nhân tố quan trọng quyết định tốc độ và chất lượng tăng trưởng kinh tế, bên cạnh đó doanh nghiệp Việt Nam chưa có tầm nhìn dài hạn, thiếu nhân lực, tiềm lực tài chính để tiến hành đổi mới, nâng cấp công nghệ.

Đáng chú ý là tổng số bài báo, công trình khoa học được công bố quốc tế của Việt Nam trong giai đoạn 2011 - 2015 tới 11.738, gấp 2,2 lần so với giai đoạn 2006 - 2010, đạt tốc độ tăng bình quân là 19,5%/năm.

Toán học, vật lý và hóa học tiếp tục là những lĩnh vực có thể mạnh của Việt Nam chiếm 40% tổng số công bố quốc tế trong 5 năm qua, trong đó toán học có số lượng công bố quốc tế đứng



đầu khu vực Đông Nam Á.

Tính tổng số công bố quốc tế giai đoạn 2011 - 2015, Việt Nam xếp thứ 59 trên thế giới và thứ 4 của Đông Nam Á so với thứ 73 của thế giới giai đoạn 2001 - 2005 là cả sự nỗ lực và có đóng góp của ngành khoa học và công nghệ.

Việc tăng số lượng công bố quốc tế của Việt Nam trong 5 năm qua do việc tăng quy mô và hiệu quả hỗ trợ hoạt động nghiên cứu, đặc biệt là nghiên cứu cơ bản từ nguồn ngân sách nhà nước thông qua Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ quốc gia (Nafosted) với việc chú trọng cho sản phẩm đầu ra, minh bạch hóa quá trình xét chọn, tuyển chọn nhiệm vụ.

Thị trường khoa học và công nghệ được hình thành

Khoa học và công nghệ đã hình thành được thị trường mới là thị trường khoa học và công nghệ, nhưng thị trường này phát triển chậm, chưa gắn kết chặt chẽ kết quả nghiên cứu, ứng dụng đào tạo với nhu cầu sản xuất, kinh doanh và quản lý.

Thị trường khoa học và công nghệ nhằm tạo điều kiện trao đổi, mua bán công nghệ, hành lang pháp lý vận hành thị trường được bổ sung, hoàn thiện với các quy định mới về thành lập tổ chức trung gian, định giá tài sản trí tuệ, giao quyền

sở hữu kết quả khoa học và công nghệ cho cơ quan chủ trì, phân chia lợi ích sau thương mại hóa...

Các chương trình quốc gia thúc đẩy sự phát triển của thị trường cũng được triển khai tích cực: Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ đến năm 2020; Chương trình hỗ trợ phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ; Chương trình hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ...

Mạng lưới các tổ chức trung gian tư vấn, đánh giá, môi giới chuyển giao công nghệ được tăng cường. Hoạt động của thị trường ngày càng sôi động với các chợ công nghệ và thiết bị quốc gia và quốc tế, sàn giao dịch công nghệ, hoạt động kết nối cung - cầu công nghệ ở các địa phương và vai trò gia tăng của các trung tâm ứng dụng và phát triển công nghệ ở 63 tỉnh, thành phố.

Hiện cả nước có 8 sàn giao dịch công nghệ gồm Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Quảng Ninh, Hải Phòng, Bắc Giang, Thái Bình, Nghệ An. Tổng giá trị giao dịch công nghệ giai đoạn 2011 - 2015 đạt hơn 13.700 tỷ đồng, tăng 3 lần so với giai đoạn trước.

Xây dựng quy định và tiêu chí đánh giá, định giá tài sản trí tuệ chuyển nhượng; hoàn thiện các chính sách về hỗ trợ xác lập và bảo vệ quyền sở hữu tài sản trí tuệ, xây dựng thương hiệu và

thương mại hóa sản phẩm; khuyến khích thành lập tổ chức chuyển giao công nghệ trong các trường đại học, viện nghiên cứu; phát triển hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về công nghệ, kết nối cung - cầu sản phẩm khoa học và công nghệ mới để góp phần thúc đẩy phát triển thị trường khoa học và công nghệ.

Chưa thực sự trở thành động lực phát triển

Ông Phạm Quang Trung nhấn mạnh hoạt động khoa học và công nghệ đã đạt được nhiều thành tựu, thúc đẩy sự phát triển của nhiều lĩnh vực nhưng nhìn chung còn trầm lắng, chưa thực sự trở thành động lực phát triển kinh tế - xã hội.

Cơ chế quản lý hoạt động khoa học và công nghệ đã từng bước được đổi mới nhưng chưa phát huy hiệu quả, công tác quy hoạch, kế hoạch phát triển khoa học và công nghệ chưa gắn với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Thiếu các hướng ưu tiên phù hợp, các chính sách, giải pháp mạnh mẽ để tạo đột phá trong những lĩnh vực mà Việt Nam có lợi thế, vì vậy chưa hình thành được các lĩnh vực khoa học và công nghệ mũi nhọn, đạt trình độ tiên tiến, có khả năng cạnh tranh bình đẳng với khu vực và thế giới.

Khoa học và công nghệ được Đảng và Nhà nước xác định là quốc sách hàng đầu cần ưu tiên đầu tư và

tập trung mọi nguồn lực quốc gia để phát triển nhưng trên thực tế, nhiều cấp ủy đảng, chính quyền nhận thức về nghiên cứu, ứng dụng và phát triển khoa học và công nghệ chưa thật đầy đủ, chưa coi đây là một nhiệm vụ trọng tâm, chưa bố trí cán bộ lãnh đạo có đủ thẩm quyền trực tiếp chỉ đạo công tác khoa học và công nghệ.

Bên cạnh đó, việc thể chế hóa và tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về khoa học và công nghệ còn thiếu chủ động, quyết liệt. Chưa có giải pháp đồng bộ và cơ chế kiểm tra, giám

sát hiệu quả. Sự phối hợp giữa các Bộ, ban, ngành và giữa Trung ương với các địa phương chưa chặt chẽ, nhiều khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện chậm được tháo gỡ.

Đặc biệt, đầu tư nguồn lực cho khoa học và công nghệ chưa tương xứng, chưa tạo được môi trường minh bạch trong hoạt động khoa học và công nghệ, thiếu quy định về dân chủ trong nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn; chưa hình thành nhu cầu tự thân đủ mạnh của các doanh nghiệp trong phát huy vai trò của khoa học và công nghệ.

Vì vậy, giai đoạn tới, để khoa học và công nghệ thực sự trở thành động lực phát triển kinh tế - xã hội, đóng góp vào sự phát triển chung của đất nước, ngành khoa học và công nghệ cần tiếp tục đề ra các phương hướng, giải pháp mang tính chiến lược. Bên cạnh tố chất con người thì cần phải có thể chế, cơ chế phù hợp để con người có cơ hội phát huy được trí tuệ của mình và đóng vai trò quyết định trong hoạt động khoa học và công nghệ./.

HT (th)

Một số kết quả nổi bật trong công tác cải cách hành chính tại Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Bắc Giang

Nguyễn Thị Hương - Văn phòng Sở

Năm qua, công tác cải cách hành chính, đặc biệt là cải cách thủ tục hành chính được lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ (KH&CN) tiếp tục chỉ đạo, quán triệt đến toàn thể công chức, viên chức và người lao động. Trên cơ sở xây dựng kế hoạch hoạt động từ

đầu năm, hoạt động cải cách hành chính của Sở KH&CN đã đạt được những kết quả đáng kể, cụ thể như sau:

Cải cách thể chế

Cải cách thể chế là một khâu quan trọng trong công tác cải cách hành chính. Với sự quan tâm của lãnh đạo Sở, việc rà soát các văn bản

thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ thường xuyên được thực hiện. Trong năm, Sở KH&CN đã tham mưu trình UBND tỉnh ban hành nhiều văn bản mới, cụ thể như Quyết định số 194/2015/QĐ-UBND ngày 12/5/2015 của UBND tỉnh ban hành Quy định chức năng, nhiệm



vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Sở KH&CN tỉnh Bắc Giang, có hiệu lực thi hành từ ngày 22/5/2015 (thay thế Quyết định số 96/2008/QĐ-UBND ngày 29/8/2008); Kế hoạch số 2922/KH-UBND ngày 13/10/2015 về Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển KH&CN tỉnh Bắc Giang đến năm 2020 (giai đoạn 2016 - 2020); Quyết định số 800/2015/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 về việc quy định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Giang (thay thế Quyết định số 70/2012/QĐ-UBND ngày 12/3/2012 quy định mức chi kinh phí đối với các đề tài, dự án KH&CN cấp tỉnh có sử dụng ngân sách Nhà nước).

Cải cách thủ tục hành chính

Trong cải cách hành chính, việc cải cách thủ tục hành chính (TTHC) là một trong những nội dung quan trọng nhất. Căn cứ Quyết định số 447/2013/QĐ-UBND ngày 05/9/2013 của UBND tỉnh ban hành Quy định kiểm soát TTHC; Quyết định số 314/2014/QĐ-UBND ngày 09/6/2014 của UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 447/2013/QĐ-UBND, Sở KH&CN tiến hành nghiên cứu, xây dựng và trình UBND tỉnh ban hành

Quyết định công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thay thế; thủ tục hành chính bị hủy bỏ, bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở KH&CN tỉnh Bắc Giang; phối hợp Sở Nội vụ trình Chủ tịch UBND tỉnh ban hành danh mục TTHC giải quyết theo cơ chế một cửa (thay Quyết định số 832/QĐ-UBND ngày 05/6/2013).

Năm 2015, trên cơ sở danh mục TTHC giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông tại Sở KH&CN, bộ phận “Một cửa” của Sở đã tiếp nhận giải quyết tổng số 23 TTHC với tổng số 66 hồ sơ trong các lĩnh vực hoạt động KH&CN, sở hữu trí tuệ, phát triển tiềm lực KH&CN, an toàn bức xạ hạt nhân, tiêu chuẩn đo lường chất lượng. 2 TTHC thuộc lĩnh vực thanh tra được tiếp nhận giải quyết trực tiếp tại bộ phận Thanh tra Sở.

Toàn bộ hồ sơ tiếp nhận tại Sở được thực hiện theo đúng quy định, không có trường hợp vi phạm liên quan đến tiếp nhận, giải quyết TTHC, không có ý kiến phản ánh, kiến nghị xử lý về TTHC; không xảy ra trường hợp hồ sơ quá hạn.

Việc công khai thủ tục hành chính được thực hiện thông qua việc niêm yết tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả và đăng tải trên website của Sở tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân đến liên

hệ công việc và tra cứu thuận tiện.

Việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông tiếp tục được quan tâm thực hiện. Căn cứ Quyết định số 711/2015/QĐ-UBND ngày 4/12/2015 của UBND tỉnh Bắc Giang, Sở đã kịp thời ban hành Quyết định số 15/QĐ-KHCN ngày 16/01/2016 về Quy chế thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Sở KH&CN; Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa được trang bị đầy đủ các trang thiết bị, bố trí công chức có trách nhiệm, tinh thần, thái độ phục vụ cởi mở, đáp ứng tốt yêu cầu của tổ chức, công dân đến làm việc tại Sở.

Cải cách tổ chức bộ máy hành chính

Trên cơ sở Thông tư liên tịch số 29/2014/TTLT-BKHCN-BNV ngày 15/10/2014 của liên Bộ KH&CN - Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các cơ quan chuyên môn về KH&CN thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện; Sở KH&CN đã tham mưu cho UBND tỉnh ban hành Quyết định số 194/2015/QĐ-UBND ngày 12/5/2015 về Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở KH&CN tỉnh Bắc Giang. Sở tiếp tục tổ chức sửa đổi, bổ sung Quy chế làm việc và mối quan hệ công tác theo Quyết định số 225/QĐ-

KHCN ngày 24/8/2015; Quy chế Thi đua Khen thưởng; Quy định gửi, nhận, sử dụng và quản lý văn bản điện tử, hồ sơ điện tử; Quy chế thực hiện dân chủ; Quy định tiêu chí, cách đánh giá, xếp loại trách nhiệm trưởng các phòng, đơn vị thuộc Sở KH&CN trong thi hành công vụ.

Việc triển khai thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với các đơn vị sự nghiệp trực thuộc cũng được Sở quan tâm thực hiện. Đến tháng 12/2015, căn cứ quy định tại Thông tư liên tịch số 121/2014/TTLT-BTC-BKHCN ngày 25/8/2014 của liên Bộ Tài chính - KH&CN hướng dẫn xây dựng dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng của tổ chức KH&CN công lập; Sở KH&CN đã chỉ đạo các đơn vị sự nghiệp, tổ chức KH&CN công lập triển khai xây dựng Đề án trình UBND tỉnh phê duyệt theo cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo Nghị định số 115/2005/NĐ-CP ngày 05/9/2005 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức KH&CN công lập và Nghị định số 96/2010/NĐ-CP ngày 20/9/2010 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2005/NĐ-CP.

Cải cách tài chính công
Xác định cải cách tài

chính công là một nhiệm vụ quan trọng trong công tác cải cách hành chính, Sở KH&CN tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 7/10/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan Nhà nước; Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế, tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp công lập.

Thực hiện công khai, minh bạch trong mua sắm tài sản, sử dụng tài sản công; sửa đổi, bổ sung hoàn thiện và ban hành quy chế chi tiêu nội bộ và quy chế sử dụng tài sản công tại các đơn vị thuộc Sở phù hợp với quy định mới trên cơ sở đảm bảo chi tiết kiệm nguồn kinh phí để tăng thu nhập cho cán bộ công chức, viên chức.

Hiện đại hóa hành chính

Công tác ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý hành chính tại Sở KH&CN được đẩy mạnh và quan tâm đầu tư; các phòng, đơn vị đều được trang bị đầy đủ máy vi tính nối mạng internet, cơ bản đáp ứng nhu cầu giải

quyết công việc. Hiện tại, Sở đang vận hành có hiệu quả phần mềm Hệ thống quản lý văn bản và điều hành tác nghiệp (netoffice), phần mềm Một cửa điện tử trong giải quyết TTHC; trang web của Sở được duy trì, cập nhật thường xuyên, công khai các TTHC, đưa thông tin hoạt động KH&CN đến các tổ chức, công dân. Ngoài ra, Sở KH&CN tiếp tục duy trì có hiệu quả Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008 trong các hoạt động chuyên môn của các phòng, đơn vị và toàn bộ bộ TTHC của Sở.

Với những kết quả đạt được, hoạt động cải cách hành chính của Sở KH&CN đã được UBND tỉnh đánh giá cao. Năm 2015, theo xếp hạng về chỉ số cải cách hành chính của tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ là một trong 10 đơn vị được đánh giá xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ. Kết quả này là niềm động viên, khích lệ và cũng là động lực giúp công chức, viên chức, người lao động của Sở thi đua, lập thành tích chào mừng thành công Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Bắc Giang lần thứ XVIII và Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng./.

Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Giang

Lê Thị Thanh Lợi - Phòng KH - TC

Phát triển công nghệ cao nói chung, nông nghiệp công nghệ cao nói riêng là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của cả hệ thống chính trị; là mục tiêu lâu dài trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bắc Giang, đặc biệt trong điều kiện nước ta hội nhập ngày càng sâu rộng, toàn diện với nền kinh tế thế giới. Ứng dụng công nghệ cao giúp khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế về vị trí địa lý, tài nguyên, đất đai, thổ nhưỡng, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, thu hút trí tuệ của đội ngũ tri thức, doanh nhân; phát huy tính cần cù, sáng tạo của nông dân; huy động tối đa các nguồn vốn đầu tư, tạo bước phát triển có tính đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội.

Những năm qua, tỉnh Bắc Giang luôn quan tâm đầu tư ứng dụng khoa học kỹ thuật (KHKT) vào sản xuất và phát triển nông nghiệp công nghệ cao, đặc biệt từ khi Thủ tướng Chính phủ ban hành

Quyết định số 1859/QĐ-TTg ngày 17/12/2012 phê duyệt Chương trình phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao thuộc Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao đến năm 2020. Chúng ta đã huy động các nguồn lực đầu tư cho khoa học, công nghệ, hình thành nhiều vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung lớn; xây dựng nông thôn mới; tạo lập, quản lý, phát triển, bảo hộ các đối tượng sở hữu công nghiệp trong và ngoài nước cho nhiều sản phẩm nông sản chủ lực của tỉnh như: Chỉ dẫn địa lý vải thiều Lục Ngạn, nhãn hiệu chứng nhận gà đồi Yên Thế, nhãn hiệu tập thể gạo thơm Yên Dũng, mỳ Chũ, mỳ Kề, rau cần Hoàng Lương... Do đó, sản xuất nông nghiệp có nhiều khởi sắc. Kinh tế nông nghiệp phát triển khá toàn diện cả về trồng trọt, chăn nuôi và thủy sản; tăng trưởng khá cao cả về tốc độ, quy mô. Một số lĩnh vực công nghệ cao đã được ứng

dụng góp phần nâng cao năng suất, chất lượng giống cây trồng, vật nuôi như: Sản xuất hạt giống lai F1 tại Tân Yên; sản xuất khoai tây giống bằng công nghệ khí canh, nhà màng tại Trung tâm Ứng dụng Tiên bộ Khoa học và Công nghệ; nhân nhanh giống khoai tây, chuối tiêu hồng, cây lâm nghiệp bằng phương pháp nuôi cấy mô tế bào thực vật tại Trung tâm Giống cây trồng Bắc Giang; sản xuất hoa chất lượng cao bằng nhà lưới điều khiển nhiệt độ tại thành phố Bắc Giang; chọn tạo thành công giống lúa BG1, BG6 tại Công ty Cổ phần Giống cây trồng Bắc Giang...

Trên cơ sở Luật Công nghệ cao ban hành năm 2008 và Quyết định số 1859/QĐ-TTg ngày 17/12/2012 của Thủ tướng Chính phủ, Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh đã ban hành nhiều cơ chế, chính sách, quan tâm đầu tư nhằm đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, đưa tiến bộ KHKT vào sản

xuất, hỗ trợ xây dựng nông thôn, cải thiện và nâng cao đời sống nông dân như: Nghị quyết số 145 - NQ/TU ngày 14/7/2011 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về xây dựng nông thôn mới tỉnh Bắc Giang đến năm 2020; Chương trình hành động số 47-CTr/TU ngày 03/10/2008 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa X) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; Đề án cơ giới hóa và giảm tổn thất sau thu hoạch trong nông nghiệp tỉnh Bắc Giang trong giai đoạn 2011 - 2015; Đề án hỗ trợ sản xuất rau an toàn tập trung theo tiêu chuẩn VietGAP trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2013 - 2015 và giai đoạn 2016 - 2020; Đề án phát triển lúa lai, lúa chất lượng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; Đề án phát triển sản xuất nấm tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2012 - 2015; Đề án hỗ trợ phát triển chăn nuôi gà đồi Yên Thế theo hướng VietGAP giai đoạn 2013 - 2015; Đề án nâng cao chất lượng giống gia cầm trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2015 - 2020; Chính sách hỗ trợ chăn nuôi nông hộ giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; Đề án nâng cao chất lượng giống thủy sản tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2012 - 2015; Đề án phát triển trang trại nuôi



Sản xuất khoai tây giống bằng công nghệ khí canh, tại Trung tâm Ứng dụng Tiến bộ Khoa học và Công nghệ

thủy sản thâm canh cao tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2011 - 2015...

Định hướng ứng dụng KHKT vào sản xuất và phát triển nông nghiệp công nghệ cao:

Trong thời gian tới, chúng ta cần đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ KHKT vào sản xuất, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, phù hợp với tiêu chuẩn quốc gia và quốc tế, đáp ứng yêu cầu của thị trường trong nước và xuất khẩu; tăng giá trị thu nhập trên một đơn vị diện tích; xây dựng và xác lập quyền sở hữu công nghiệp cho một số sản phẩm, hàng hóa chủ lực của tỉnh; nâng cao sức cạnh tranh của các sản phẩm nông nghiệp đặc thù của tỉnh. Xây dựng và phát triển nền nông nghiệp

Bắc Giang theo hướng sản xuất hàng hóa lớn, hiện đại, bền vững, có khả năng cạnh tranh dựa trên nền tảng của nền nông nghiệp sản xuất hàng hóa công nghệ cao, đảm bảo an ninh lương thực và vệ sinh môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu. Bảo đảm vững chắc an ninh lương thực trong tỉnh. Chú trọng phát triển công nghiệp phục vụ nông nghiệp. Không ngừng nâng cao đời sống vật chất, văn hóa và tinh thần của nông dân, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Nâng cao trình độ dân trí, trình độ sản xuất cho nông dân.

Xây dựng nền nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa gắn với công nghiệp chế biến và dịch vụ;



nâng cao chất lượng, giá trị và sức cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp; bồi dưỡng đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển, đảm bảo quốc phòng, an ninh, an sinh xã hội và an toàn môi trường.

Trong thời gian tới tập trung phát triển KHKT, công nghệ cao trong chọn tạo, nhân giống cây trồng, giống vật nuôi và giống thủy sản cho năng suất, chất lượng cao. Đẩy mạnh hợp tác với các cơ quan nghiên cứu, các doanh nghiệp chuyển giao công nghệ để tạo ra các giống cây trồng mới năng suất cao, chất lượng tốt, có khả năng chống chịu sâu bệnh, phù hợp với yêu cầu của thị trường, đáp ứng nhu cầu nhân giống chất lượng cao.

Phát triển KHKT, công nghệ cao trong tạo ra các loại vật tư, máy móc, thiết bị mới sử dụng trong nông nghiệp. Nghiên cứu phát triển quy trình công nghệ tổng hợp và tự động hóa quá trình trồng trọt, thu hoạch các loại cây trồng trong nhà lưới, nhà kính.

Phát triển KHKT, công nghệ cao trong bảo quản, chế biến và làm chủ công nghệ cao trong nông nghiệp. Nghiên cứu phát triển công nghệ chiếu xạ, công nghệ xử lý hơi nước nóng, công nghệ xử lý nước nóng, công nghệ sấy, công nghệ sơ chế,

bảo quản rau, hoa quả tươi quy mô tập trung.

Xây dựng và phát triển khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

Bước đầu hình thành một số vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại một số địa phương có lợi thế, trước mắt là một số vùng sản xuất lúa thâm canh, lúa chất lượng; vùng sản xuất rau, nấm an toàn, hoa; vùng trồng cây ăn quả; vùng trồng chè; vùng nuôi trồng thủy sản.

Phát triển doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại một số địa phương có lợi thế về một số lĩnh vực đã có công nghệ cao và từng bước mở rộng quy mô hoạt động của các doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

Phát triển nông nghiệp công nghệ cao là con đường đúng đắn giúp chúng ta đi tắt, đón đầu, tiếp cận nhanh với các tiến bộ khoa học kỹ thuật của thế giới. Vì vậy, đòi hỏi sự chung tay vào cuộc của tất cả các cấp, các ngành, đặc biệt là các doanh nghiệp, hộ nông dân. Chúng ta tin tưởng rằng trong một tương lai không xa, sản xuất nông nghiệp của Bắc Giang ngày càng khởi sắc và có nhiều sản phẩm chất lượng hơn nữa vươn xa đến thị trường thế giới, đem lại cuộc sống ấm no, hạnh phúc cho người dân./.

Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng trực thuộc Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tỉnh Bắc Giang là đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng phục vụ quản lý nhà nước về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng; thực hiện dịch vụ về kiểm định, hiệu chuẩn phương tiện đo, thử nghiệm chất lượng hàng hóa, tư vấn áp dụng hệ thống quản lý tiên tiến... theo công nhận khả năng kiểm định, thử nghiệm của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng trong các lĩnh vực áp suất, khối lượng, dung tích - lưu lượng, điện, độ dài và thử nghiệm theo yêu cầu của các tổ chức cá nhân trong và ngoài tỉnh.

Hoạt động kiểm định, thử nghiệm của Trung tâm ngày càng phát triển, đáp ứng được một phần nhu cầu của các tổ chức, cá nhân. Trong năm 2015, Trung tâm đã nỗ lực phấn đấu xây dựng theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2005 cho phòng kiểm định phương tiện đo (PTĐ), duy trì tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2005 tại phòng thử nghiệm (Vilas 665) với 9 chỉ tiêu của mẫu than, nước mắm, nước chấm; đào tạo chuyên môn cho cán bộ viên chức, đề xuất mua trang thiết bị phục vụ cho công tác phát triển năng lực cho Trung tâm, góp phần mở rộng năng lực kiểm định, thử nghiệm trên địa bàn tỉnh.

Một số kết quả hoạt động năm 2015 của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng và giải pháp phát triển trong thời gian tới

Nguyễn Hoàng Tuấn

Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

Năm 2015, Phòng Kiểm định của Trung tâm mở rộng khả năng kiểm định đối với lĩnh vực điện tim, công nhận lại khả năng kiểm định đối với 17 loại PTĐ thông dụng như: Taximet, cân kỹ thuật, cân bàn, cân đĩa, cân ô tô, áp kế các loại, huyết áp kế... Ngoài những năng lực được công nhận mở rộng và công nhận lại, hoạt động kiểm định, thử nghiệm PTĐ của Trung tâm cũng đạt được những kết quả đáng khích lệ như:

Lĩnh vực kiểm định:

Tổ chức, phối hợp kiểm định 12.022 PTĐ các loại, tăng 0,12% so với kế hoạch năm 2015 (12.000 PTĐ), kiểm định tại Trung tâm được 8.559 PTĐ, trong đó: Công tơ điện 1 pha: 3.530 chiếc; công tơ điện 3 pha: 816 chiếc; cân các loại: 356 chiếc; taximet: 269 chiếc; cột đo xăng dầu: 627 cột; huyết áp kế: 225 chiếc; áp kế: 89 chiếc; ca đong: 102 chiếc; quả cân: 268 quả; đồng hồ đo nước lạnh: 2.277 chiếc. Đơn vị phối hợp kiểm định



*Kiểm định Taximet cho Taxi của Công ty TNHH
Một thành viên Mai Linh Bắc Giang*

được 3.463 PTĐ, trong đó: Công tơ điện 1 pha: 3.343 chiếc; công tơ điện 3 pha: 120 chiếc. Thực hiện kiểm định lưu động tại Công ty TNHH xử lý rác thải Hòa Bình, Công ty Cổ phần thép số 10, chi nhánh Công ty Cổ phần Khí công nghiệp Bắc Hà, Công ty TNHH MTV Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc, Công ty Cổ phần xi măng Bắc Giang, Công ty TNHH lưới thép hàn hợp

lực, Công ty TNHH TM Khiết Phong, Trạm trộn Công ty TNHH Việt Pháp, Công ty VLXD Sơn Uyên huyện Hiệp Hòa...

Lĩnh vực thử nghiệm:

Thực hiện thử nghiệm 1.045 mẫu hàng hóa cho khách hàng, trong đó có 1.033 mẫu than, 06 mẫu nước mắm, 06 mẫu rượu. Tham gia lớp kỹ năng do chuyên gia đánh giá nội bộ, lựa chọn và xác nhận giá trị sử dụng của



phương pháp tại Văn phòng Công nhận chất lượng; tham gia thử nghiệm thành thạo mẫu nước chám tại Hội Các phòng thử nghiệm Việt Nam.

Lĩnh vực tư vấn:

Đây là lĩnh vực hoạt động từ ngày Trung tâm được thành lập và đi vào hoạt động (năm 2012), hoạt động này ngày càng phát huy được hiệu quả, năm 2015 Trung tâm đã tư vấn cho các đơn vị như: Tư vấn tiêu chuẩn cơ sở cho Công ty TNHH Phú Quỳnh; công bố hợp quy cho Công ty Cổ phần Tân Xuyên; công bố hợp quy sản phẩm gạch cho Công ty TNHH Chuyên Yến; Công ty TNHH Tân Thành; Hợp tác xã Thân Trường; Công ty TNHH Hải Sơn; Công ty Cổ phần Hợp Thịnh Phát.

Ngoài ra, cán bộ viên chức Trung tâm còn tìm tòi, mở rộng thêm hoạt động kiểm định, thử nghiệm sang một số tỉnh bạn như: Bắc Ninh, Thái Nguyên, Quảng Ninh, Hải Dương.

Để đạt được kết quả như trên là nhờ sự quan tâm, chỉ đạo kịp thời của lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ Bắc Giang cùng với sự lãnh đạo, chỉ đạo đúng đắn của lãnh đạo đơn vị trong công tác định hướng phát triển của ngành phù hợp với sự phát triển chung của tỉnh, đất nước. Tuy nhiên, để hoạt động của Trung tâm ngày càng phát triển bền vững, thật sự là đơn vị

đi đầu của tỉnh về dịch vụ khoa học và công nghệ cần có định hướng phát triển lâu dài, trong năm 2016 và những năm tới Trung tâm cần làm tốt một số công việc như sau:

Tích cực công tác tuyên truyền, phổ biến các văn bản, các quy định của nhà nước về hoạt động kiểm định, thử nghiệm cho các doanh nghiệp sản xuất, đơn vị kinh doanh trên địa bàn tỉnh nhằm nâng cao ý thức chấp hành việc thực hiện kiểm định, thử nghiệm của doanh nghiệp.

Đề xuất với cơ quan chức năng tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra hoạt động đo lường, thử nghiệm trên địa bàn tỉnh nhất là các lĩnh vực như đo lường điện, mũ bảo hiểm, đồ chơi trẻ em...

Khai thác hiệu quả trang thiết bị hiện có cho công tác kiểm định, thử nghiệm phục vụ các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh cũng như phục vụ công tác quản lý nhà nước.

Đề xuất với các cấp lãnh đạo tăng cường trang thiết bị phục vụ công tác quản lý nhà nước cũng như hoạt động dịch vụ cho Trung tâm để đáp ứng nhu cầu tại địa phương như:

Lĩnh vực kiểm định

Lĩnh vực dung tích - lưu lượng: Kiểm định các PTĐ dung tích thông dụng như bể trụ nằm ngang; xitéc ô

tô; đồng hồ xăng dầu; đồng hồ khí, LPG. Kiểm tra hàng đóng gói sẵn định lượng theo đơn vị thể tích; kiểm tra phép đo thương mại bán lẻ chất lỏng, khí.

Lĩnh vực điện - điện tử:

Kiểm định công tơ điện 1 pha, 3 pha kiểu điện tử; máy đo điện trở cách điện; máy đo điện trở tiếp đất; máy biến áp đo lường; máy biến dòng đo lường; máy điện nã. Kiểm tra phép đo trong mua bán điện năng.

Lĩnh vực độ dài: Kiểm định thước thương nghiệp; thước thép cuộn dân dụng; panme; thước cặp, thước lá, thước nhét, thước đo góc...

Lĩnh vực nhiệt độ: Kiểm định nhiệt kế thông dụng; nhiệt kế thủy tinh chất lỏng; nhiệt kế y học các loại; các loại nhiệt kế chuyên dụng (nhiệt kế áp suất, công tắc).

Lĩnh vực thử nghiệm

Thử nghiệm điện - điện tử: Thử nghiệm các sản phẩm điện - điện tử gia dụng với các chỉ tiêu về an toàn như: Điện trở cách điện, điện trở nối đất, dòng điện dò, khả năng an toàn chống điện giật, sự phóng điện cục bộ; độ bền điện áp; xung điện áp; xác định các chỉ số danh định về dòng điện một chiều và xoay chiều; điện áp một chiều và xoay chiều; công suất và dòng điện tiêu thụ, công suất tổn hao, hệ số công suất.

Lĩnh vực thử nghiệm cơ lý: Thử nghiệm các chỉ tiêu

về cơ lý tính của vật liệu kim loại; sản phẩm cơ khí; vật liệu xây dựng; công trình xây dựng; chỉ tiêu an toàn cơ của sản phẩm, mũ bảo vệ người đi xe máy; đồ chơi trẻ em...

Lĩnh vực thử nghiệm hóa học: Thử nghiệm các chỉ tiêu hóa - sinh, thành phần kim loại nặng, độc tố hữu cơ của

thực phẩm; nông sản thực phẩm; đồ uống; thức ăn chăn nuôi; phân tích thành phần hóa học của vật liệu kim loại; vật liệu xây dựng; sản phẩm nhựa, cao su, chất dẻo, chất tẩy rửa, phân bón hóa học, nước sinh hoạt...

Với sự nỗ lực phấn đấu của mỗi cán bộ viên chức và lao động trong Trung tâm,

cùng với sự quan tâm của các cấp lãnh đạo, trong thời gian tới Trung tâm sẽ trở thành đơn vị đi đầu của tỉnh trong lĩnh vực dịch vụ khoa học và công nghệ, góp phần bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và phát triển kinh tế - xã hội./.

Khoa học và công nghệ

góp phần nâng cao chất lượng nông sản, tạo dựng thương hiệu

Hoàng Phương

Các dự án khoa học và công nghệ (KH&CN) thuộc Chương trình Hỗ trợ ứng dụng và chuyển giao tiến bộ KH&CN phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn và miền núi giai đoạn 2010 - 2015 đã góp phần chuyển giao khoa học kỹ thuật (KHKT) tiên tiến vào sản xuất, nâng cao năng suất, chất lượng nông sản, giúp bà con xóa nghèo, nâng cao đời sống.

Nhiều mô hình mới

Thực hiện Chương trình nông thôn - miền núi tại Bắc Giang giai đoạn 2010 - 2015, nhiều dự án, các mô hình sản xuất, trình diễn KH&CN

được làm điểm, nhân rộng. Tiêu biểu là dự án “Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật xây dựng mô hình nhân giống vô tính trồng thâm canh, cải tạo nương chè già cỗi và chế biến chè an toàn tại huyện Yên Thế” do Chi nhánh Công ty TNHH Hiệp Thành chủ trì thực hiện từ năm 2010 với tổng kinh phí 9 tỷ đồng.

Nguồn vốn này được đầu tư xây dựng vườn thâm canh chè rộng 2.000m², vườn giống gốc 1,5ha, chăm sóc nương chè giống mới giai đoạn kiến thiết cơ bản kết hợp thâm canh tổng hợp sản xuất chè an toàn, cải tạo nương chè già cỗi, chế biến

chè đen, chè xanh, từng bước xây dựng chỉ dẫn địa lý cho vùng chè nơi đây.

Ông Nguyễn Văn Hùng, bản Ven, xã Xuân Lương chia sẻ: “Tham gia dự án, gia đình tôi được hỗ trợ 5 triệu đồng, hướng dẫn cách đốn hái mới, bón phân, tủ gốc theo quy trình khoa học. Gần 1ha chè luôn xanh tốt, không mắc bệnh, cho thu 6 - 7 tấn/năm, cao hơn cách làm cũ gần 2 tấn”. 5 năm triển khai, dự án góp phần thay đổi tập quán canh tác, mang lại hiệu quả cao hơn. Nhờ đó, diện tích chè nguyên liệu của huyện Yên Thế đạt 485ha, tăng 206ha; sản



lượng chè búp tươi tăng 30-40% so với trước khi thực hiện dự án.

Dự án “Sản xuất giống, nắm hàng hóa có năng suất, chất lượng cao và bảo quản, chế biến nắm tại tỉnh Bắc Giang” do Trung tâm Giống nắm thực hiện từ năm 2011 cũng mang lại nhiều lợi ích, trong đó các địa phương, đơn vị chủ động được nguồn giống nắm phục vụ sản xuất tại tỉnh. Gia đình chị Nguyễn Thị Hạnh, thôn Cả, xã Tiên Lục (Lạng Giang) tham gia dự án được hỗ trợ kinh phí cải tạo 300m² đất vườn, dựng lán trại, mua nguyên liệu, giống để sản xuất nắm rơm, mộc nhĩ, thu lãi gần 100 triệu đồng/năm.

Anh Nguyễn Văn Giang, Phó Trưởng phòng Nông nghiệp và PTNT huyện đánh giá: “Qua dự án trồng nắm, hàng trăm nông dân có nghề mới cho thu nhập cao, cải thiện cuộc sống. Hiện nay, các cấp hội nông dân, phụ nữ, đoàn thanh niên trong huyện tiếp tục nhân rộng nghề trồng nắm cho hội viên”. Sau khi kết thúc dự án, toàn tỉnh có khoảng 180 hộ có diện tích lán nuôi trồng nắm từ 300m² trở lên. Sản lượng nắm tươi đạt khoảng 2.000 tấn, doanh thu 25 - 30 tỷ đồng/năm.

Sử dụng hiệu quả nguồn lực

Ngoài ra 5 năm qua, Sở KH&CN triển khai 16 dự án

với tổng kinh phí hơn 100 tỷ đồng từ ngân sách (nông dân đối ứng hơn 50%). Trong đó, tập trung chuyển giao quy trình công nghệ mới, kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi, tập huấn cho người dân, hướng tới nâng chất lượng nông sản, từng bước tạo dựng thương hiệu, thúc đẩy mối liên kết sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm. Ví như các dự án: “Ứng dụng một số quy trình công nghệ trước và sau thu hoạch để sản xuất, bảo quản vải chất lượng cao, rải vụ thu hoạch đáp ứng nhu cầu trong nước và xuất khẩu tại huyện Lục Ngạn; Nghiên cứu xây dựng mô hình sản xuất tiên tiến theo hướng VietGAP cho cây vải thiều nhằm nâng cao năng suất, chất lượng vùng chuyên canh cây ăn quả”.

Cùng với đó, các dự án thuộc lĩnh vực chăn nuôi, trồng trọt như: Mô hình lợn lai 3 - 4 máu, táo Đài Loan, lúa BG1, trồng rừng kinh tế giống mới, khoai tây sạch bệnh cũng làm thay đổi phương thức canh tác cũ, đa dạng hóa giống cây trồng, vật nuôi, giảm thiểu ô nhiễm môi trường. Qua đây, người dân có điều kiện phát triển kinh tế, giảm nghèo; hình thành nhiều vùng sản xuất hàng hóa cho thu nhập từ 100 - 150 triệu đồng/ha/năm.

Phát huy kết quả đó, Sở KH&CN đang rà soát những kiến nghị, đề xuất của các

huyện, xây dựng dự án sát hợp hơn với nhu cầu thực tiễn của từng địa phương nhằm tập trung tối đa mọi nguồn lực trong sản xuất nông, lâm nghiệp cho nông dân miền núi. Trong đó ưu tiên lựa chọn các dự án nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ KHKT phục vụ phát triển nông - lâm - ngư nghiệp, chế biến nông sản và bảo vệ môi trường. Phát triển mạnh ngành công nghệ sinh học tạo ra nhiều giống tốt bằng các phương pháp nuôi cấy mô, chiết, ghép, giảm hom nhằm tăng năng suất, chất lượng cao và ổn định.

Theo ông Nguyễn Đức Kiên, Giám đốc Sở KH&CN, thời gian tới, Sở chú trọng công tác đào tạo, thu hút đội ngũ trí thức về làm việc tại khu vực miền núi, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ chuyên môn làm tốt công tác chuyển giao KHKT cho bà con.

Nhiều ý kiến cho rằng việc đưa KHKT tiên tiến đến với người dân miền núi, vùng cao còn gặp nhiều khó khăn do bà con hạn chế về trình độ nhận thức. Mặt khác, nguồn vốn hỗ trợ chưa đáp ứng được nhu cầu, vì vậy, chính quyền các cấp cần tiếp tục vận động, khai thác nguồn vốn xã hội hóa, góp phần thay đổi diện mạo nông thôn miền núi./.

Phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ: Không chạy theo số lượng

Theo phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ khoa học và công nghệ chủ yếu giai đoạn 2011 - 2015 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, mục tiêu đến năm 2015, cả nước có khoảng 3.000 doanh nghiệp khoa học và công nghệ (KH&CN). Tuy nhiên, đến thời điểm này, dù số doanh nghiệp KH&CN trên thực tế gần đạt mục tiêu đề ra, song mới chỉ có hơn 600 doanh nghiệp được công nhận. Vậy, đâu là nguyên nhân khiến doanh nghiệp chưa mặn mà trở thành doanh nghiệp KH&CN? Cần làm gì để phát triển doanh nghiệp KH&CN thực chất hơn trong thời gian tới? Thứ trưởng Bộ KH&CN Trần Văn Tùng chia sẻ cùng PV Báo Đại biểu Nhân dân.

Gần đạt kế hoạch đề ra
- *Thưa ông, theo Quyết định số 1244/QĐ-TTg về phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ KH&CN chủ yếu giai đoạn 2011 - 2015 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, đến năm 2015, cả nước có khoảng 3.000 doanh nghiệp KH&CN. Vậy, mục tiêu này đã thực hiện đến đâu?*

- Đến nay, cả nước có 204 doanh nghiệp đã đăng ký và được công nhận là doanh nghiệp KH&CN; có 400 doanh nghiệp ở các khu công nghệ cao, khu công nghiệp tập trung và khu công nghệ thông tin (CNTT) được coi là doanh nghiệp KH&CN. Bên cạnh đó, khoảng 800 doanh nghiệp đang làm thủ tục và có tiềm năng trở thành doanh nghiệp KH&CN nhưng chưa đi đăng ký. Ngoài ra, theo Hiệp hội phần mềm Hà Nội và thành phố

Hồ Chí Minh, có khoảng 1.400 doanh nghiệp phần mềm trên địa bàn và đây thực sự là những doanh nghiệp KH&CN song không đăng ký. Như vậy, đến thời điểm này, cả nước có khoảng 2.800 doanh nghiệp đủ điều kiện và đã đăng ký là doanh nghiệp KH&CN, gần sát với mục tiêu đề ra. Song, số doanh nghiệp KH&CN đã đăng ký và được công nhận tại các tỉnh, thành phố, các khu công nghệ và khu công nghiệp chỉ là 604 doanh nghiệp.

- *Vì sao có tình trạng doanh nghiệp đủ điều kiện nhưng vẫn không đăng ký để trở thành doanh nghiệp KH&CN?*

- Nguyên nhân thứ nhất là do các doanh nghiệp chưa thực sự hiểu được quyền lợi khi trở thành doanh nghiệp KH&CN. Thứ hai, các doanh nghiệp hoạt động trong

lĩnh vực được hưởng ưu đãi tương tự doanh nghiệp KH&CN nên không đi đăng ký. Thứ ba, có một phần nguyên nhân từ phía các Sở KH&CN. Đó là tâm lý lo lắng khi công nhận doanh nghiệp KH&CN sẽ liên quan đến chính sách thuế. Vì vậy, phải làm cẩn thận, nhưng vì quá cẩn thận thành ra thủ tục phức tạp khiến doanh nghiệp e ngại. Bên cạnh đó, các Sở thiếu đội ngũ chuyên gia, trong khi lĩnh vực doanh nghiệp đăng ký quá mới mẻ nên không đủ tự tin để thẩm định, phê duyệt.

Trách nhiệm thuộc về Bộ KH&CN

- *Theo ông, hiện nay, chính sách ưu đãi đã đủ sức để thu hút doanh nghiệp đăng ký trở thành doanh nghiệp KH&CN chưa?*

- Hiện, chính sách ưu đãi hoàn toàn đủ sức thu hút doanh nghiệp KH&CN.



Cụ thể, theo Nghị định số 80/2007/NĐ-CP ngày 19/5/2007 về doanh nghiệp KH&CN, bên cạnh ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp, doanh nghiệp KH&CN còn được ưu tiên sử dụng các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia; miễn phí tư vấn, đào tạo từ các cơ sở ương tạo doanh nghiệp của nhà nước; miễn lệ phí trước bạ khi đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà; ưu tiên cho thuê đất với mức giá thấp nhất... Bên cạnh đó, khi trở thành doanh nghiệp KH&CN, doanh nghiệp còn nhận được ưu đãi từ các chương trình như: Chương trình Hỗ trợ KH&CN, Chương trình Đổi mới công nghệ quốc gia...

- *Doanh nghiệp KH&CN được hưởng nhiều ưu đãi nhưng vẫn không muốn đăng ký, theo ông, trách nhiệm này thuộc về ai?*

- Dĩ nhiên, đó là trách nhiệm của các cơ quan quản lý, trong đó có một phần trách nhiệm của Bộ KH&CN. Chúng tôi chưa làm tốt việc tuyên truyền, phổ biến thông tin về ưu đãi tới doanh nghiệp. Đáng lẽ, chúng tôi phải phối hợp các Hiệp hội doanh nghiệp vừa và nhỏ cùng việc tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn để doanh nghiệp biết mà tham gia, bởi hiện nay đa số các doanh nghiệp KH&CN đều xuất phát từ khối doanh nghiệp vừa và nhỏ. Ngoài ra, chính sự rườm rà về thủ tục cũng

khiến doanh nghiệp KH&CN ngại đăng ký.

Tiềm năng phát triển rất lớn

- *Ông đánh giá thế nào về tiềm năng phát triển doanh nghiệp KH&CN thời gian tới?*

- Gần đây, phong trào khởi nghiệp đang được lưu tâm, đẩy mạnh trong toàn xã hội. Từ hệ thống khởi nghiệp này, sẽ có nhiều doanh nghiệp ra đời, trong đó có doanh nghiệp KH&CN. Bộ KH&CN cũng đang hình thành hệ sinh thái khởi nghiệp theo mô hình Thung lũng Silicon, quan tâm tới các trường đại học khối kỹ thuật, công nghệ. Đây sẽ là tiềm năng rất lớn để phát triển doanh nghiệp KH&CN trong tương lai.

- *Theo ông, cần làm gì để hỗ trợ, thúc đẩy doanh nghiệp KH&CN phát triển?*

- Muốn thúc đẩy doanh nghiệp KH&CN phát triển, trước tiên phải tạo hành lang pháp lý, môi trường để doanh nghiệp hoạt động tốt hơn; thủ tục đơn giản hóa để hỗ trợ doanh nghiệp trong quá trình đăng ký. Về phía Bộ KH&CN, chúng tôi muốn thay đổi quy định trong Nghị định số 80/2007/NĐ-CP và Nghị định số 96/2010/NĐ-CP ngày 20/9/2010, đề nghị giao Cục Phát triển thị trường và doanh nghiệp KH&CN xem xét và công nhận doanh nghiệp KH&CN bởi lĩnh vực hoạt động của doanh nghiệp vượt tầm quản lý của

Sở KH&CN. Bên cạnh đó, Bộ KH&CN cũng giao cho Cục Phát triển thị trường và doanh nghiệp KH&CN, Cục Ứng dụng và phát triển công nghệ làm hệ thống cung cấp thông tin tới doanh nghiệp. Theo đó, các công nghệ, giải pháp mới sẽ được cập nhật trên trang thông tin này để doanh nghiệp và người dân được biết. Đồng thời, cần thành lập câu lạc bộ KH&CN để tập hợp cả người có mong muốn thành lập doanh nghiệp KH&CN tham gia, là cơ sở để nuôi dưỡng, ương mầm doanh nghiệp KH&CN trong tương lai.

- *Chúng ta có nên xác định mục tiêu phát triển doanh nghiệp KH&CN giai đoạn tới bằng một con số cụ thể không, thưa ông?*

- Tôi cho rằng việc đặt mục tiêu doanh nghiệp KH&CN cần thực chất hơn. Không cần và không nên chạy theo số lượng nữa. Thay vào đó, cần quan tâm tới chất lượng hoạt động của các doanh nghiệp này, xem đóng góp vào nền kinh tế ra sao. Khi xác định rõ mục tiêu phát triển doanh nghiệp KH&CN, chúng ta sẽ có cách giải quyết tương ứng để làm sao các doanh nghiệp này phát huy vai trò, giá trị của mình.

- *Xin cảm ơn ông!*

Nguyễn Tươi (s/t)



Màn trống hội tại Lễ hội Xương Giang

Bảo tồn và phát huy giá trị Lễ hội Xương Giang

Nguyễn Sĩ Cầm

Phó Giám đốc Sở VH-TT-DL Bắc Giang

Đôi nét về di tích chiến thắng Xương Giang

Di tích lịch sử chiến thắng Xương Giang nằm trên địa bàn phường Xương Giang, thành phố Bắc Giang là một di tích gắn với chiến công đánh thắng 10 vạn quân Minh của nghĩa quân Lê Lợi năm 1427, kết thúc cuộc kháng chiến chống quân Minh của nhà Lê, đem lại thái bình, thịnh vượng cho đất nước gần 4 thế kỷ. Chiến trận Xương Giang diễn ra cách đây 588 năm,

nhưng âm hưởng của chiến thắng vẫn vang vọng và sẽ ngân xa suốt chiều dài lịch sử dân tộc. Đó chính là hào khí Đại Việt, niềm tự hào của dân tộc ta nói chung, của quê hương Bắc Giang nói riêng.

Năm 2008, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chỉ đạo Bảo tàng tỉnh phối hợp với Viện Khảo cổ học và Phòng Văn hóa thành phố tiến hành khai quật khảo cổ tại di tích thành Xương Giang. Kết quả khai quật đã thu về rất

nhều hiện vật có giá trị lịch sử chống quân Minh xâm lược của dân tộc ta; bước đầu đã phác thảo diện mạo, quy mô các công trình kiến trúc thành Xương Giang trong lịch sử và đây sẽ là nguồn tư liệu quan trọng để tiếp tục nghiên cứu về khu di tích này. Năm 2009, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã quyết định công nhận di tích lịch sử: Địa điểm chiến thắng Xương Giang tại thành Xương Giang (gồm các điểm: Cửa Đông Bắc;



cửa Đông; cửa Bắc; cửa Tây Nam; cửa Nam; khu trung tâm; dấu vết tường thành phía Đông; đoạn sông Xương Giang; hồ khai quật số 2, số 3; giếng Phủ; đền Thành) là Di tích cấp Quốc gia theo Quyết định số 293/QĐ-BVHTTDL ngày 22/01/2009.

Với mục tiêu bảo tồn, phát huy giá trị lịch sử, văn hóa, đồng thời giáo dục truyền thống lịch sử cho thế hệ trẻ, UBND thành phố Bắc Giang tập trung bảo tồn, tôn tạo các điểm di tích gắn với phát triển du lịch. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã có công văn số 2002/BVHTTDL-DSVH ngày 21/5/2015 về việc thẩm định điều chỉnh Dự án Bảo tồn, tôn tạo di tích chiến thắng Xương Giang, tỉnh Bắc Giang. Theo đó, thỏa thuận điều chỉnh Dự án Bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị di tích chiến thắng Xương Giang, bao gồm các hạng mục: Xây dựng đền thờ anh hùng nghĩa sĩ Xương Giang, Nghi môn, Bình phong, Tả vu, Hữu vu, lầu chuông, lầu trống, am hóa sớ, nhà thủ từ - vệ sinh; tôn tạo sân vườn, hồ nước và hạ tầng kỹ thuật.

Dự án được xây dựng nhằm mục tiêu bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị lịch sử chiến thắng Xương Giang và xây dựng khu di tích chiến thắng Xương Giang thành điểm đến của du lịch Bắc Giang. Qua đó, giới thiệu cho du khách về tầm vóc,

ý nghĩa lịch sử của chiến thắng Xương Giang chống quân xâm lược nhà Minh năm 1427.

Lễ hội Xương Giang xưa và nay

Ngay sau đại thắng quân Minh năm 1427, năm 1428, sau khi lên ngôi, Lê Lợi cho tổ chức đại hội ăn mừng chiến thắng để khao quân, úy lạo tướng sĩ, tuyên đọc Bình Ngô đại cáo. Trong bối cảnh ấy, ở Kinh Bắc (Bắc Đạo) trị sở vẫn ở thành Xương Giang cũng được hưởng lộc và tổ chức hội lớn để cáo tế trời đất, ban phúc lộc cho dân gian. Đó là xuất xứ đầu tiên của Lễ hội Xương Giang.

Từ đó về sau, những năm kỷ niệm chiến thắng Xương Giang trong dân cũng có làm hội để khơi dậy niềm tự hào về chiến công này và làm lễ cầu siêu cho các vong linh tử trận ở thành Xương Giang. Từ thời Lê Trung Hưng về sau, thành Xương Giang không còn là trụ sở của Kinh Bắc nữa mà chuyển về thành Thị Cầu. Từ đó thành Xương Giang lấy đất chia cho 5 làng: Thành, Vẽ, Hòa Yên, Thương, Châu Xuyên để canh tác và hội lệ chuyển đổi nhập vào các làng quanh Xương Giang cũng dần mai một.

Đến năm 1998, ngành Văn hóa - Thông tin tỉnh Bắc Giang tổ chức hội thảo bàn về Lễ hội Xương Giang, làm sáng tỏ sự cần thiết mở lại lễ hội này. Vì thế, Lễ hội

Xương Giang được mở lại vào năm 1998 với sự tham gia của các làng, xã thuộc thị xã Bắc Giang (nay là thành phố Bắc Giang) và được duy trì liên tục từ đó đến nay.

Lễ hội được tổ chức tại địa điểm chính là di tích chiến thắng Xương Giang. Ngoài ra, không gian văn hóa lễ hội còn mở rộng tới các xã, phường của thành phố Bắc Giang. Trước ngày khai hội, thanh niên nam, nữ thi cắm trại. Tối mùng 5 tháng giêng, thanh niên tổ chức đốt lửa trại. Tất cả các địa điểm đình, chùa, đền, miếu... đều dựng cờ, tập trung lực lượng chuẩn bị tiến về nơi làm lễ khai hội. Sáng mùng 6 tháng giêng, các đoàn người từ các thôn làng, phường, xã giương cờ, gióng trống, xe kiệu với quần áo rực rỡ, tề chỉnh lần lượt tiến về trung tâm khai hội. Tại đây, lễ chào cờ, lễ đọc diễn văn khai mạc, lễ đọc "Bình Ngô đại cáo", lễ múa ra quân được tiến hành trang trọng. Các đoàn rước tập kết về đài tưởng niệm dâng hương rồi lần lượt từng đoàn lên thắp hương cho các anh hùng, nghĩa sĩ Lam Sơn. Sau lễ dâng hương các đoàn rước trở về làng mình làm lễ am vị đưa xếp các đồ tế vào vị trí cũ. Riêng các làng Thành và Vẽ thì đã coi như bắt đầu lễ hội của làng mình, cờ, kiệu, ngựa được đóng tại trước sân đình.

Phần hội trong Lễ hội Xương Giang gắn liền với

phần hội của hai làng Thành và Vẽ. Tại đây tổ chức nhiều trò chơi dân gian xen lẫn với các trò chơi hiện đại. Các trò chơi dân gian truyền thống trong lễ hội như: Đu, chơi gà, cờ tướng, vật dân tộc, đập niêu, kéo co... Các trò chơi hiện đại: Đập bóng có thưởng, thi đấu giải bóng đá thanh thiếu niên... thu hút rất đông thanh niên và khách thập phương tham gia.

Lễ hội Xương Giang có giá trị lịch sử, văn hóa sâu sắc, giáo dục lòng tự hào dân tộc cho các thế hệ hôm nay. Thông qua lễ hội khẳng định tầm vóc của chiến thắng Xương Giang, thể hiện lòng biết ơn sâu sắc của các thế hệ hôm nay đối với các anh hùng, nghĩa sĩ đã chiến đấu, hy sinh để giành lại độc lập cho đất nước, mang lại thái bình cho nhân dân. Từ những giá trị to lớn của lễ hội mà công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa Lễ hội Xương Giang là một việc làm hết sức cần thiết.

Giải pháp bảo tồn và phát huy giá trị Lễ hội Xương Giang trong thời gian tới

Thực hiện tốt việc quy hoạch, xây dựng các công trình văn hóa tâm linh tại khu di tích chiến thắng Xương Giang để phục vụ nhu cầu tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân và làm nơi tổ chức Lễ hội Xương Giang hàng năm. Thường xuyên giữ gìn, tôn tạo cảnh quan di

tích để đảm bảo không gian văn hóa thoáng đãng, thuận tiện cho việc tổ chức Lễ hội Xương Giang, là điểm đến hấp dẫn cho du khách trong cả nước. Trong đó, tổ chức thực hiện tốt Dự án Bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị di tích chiến thắng Xương Giang, bao gồm các hạng mục: Xây dựng Đền thờ anh hùng nghĩa sĩ Xương Giang, Nghi môn, Bình phong, Tả vu, Hữu vu, lầu chuông, lầu trống, am hóa sớ, nhà thủ từ - vệ sinh; tôn tạo sân vườn, hồ nước và hạ tầng kỹ thuật.

Lễ hội Xương Giang sau khi được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công nhận là di sản văn hóa phi vật thể cấp quốc gia, cần tổ chức tuyên truyền, quảng bá nhằm nâng cao nhận thức cho các cấp, các ngành và nhân dân địa phương về giá trị lịch sử, văn hóa của lễ hội, để cùng có trách nhiệm trong việc bảo tồn và phát huy giá trị của lễ hội. Đồng thời, cần nghiên cứu, bổ sung nội dung, hình thức Lễ hội Xương Giang cho phong phú, độc đáo, hấp dẫn và chứa đựng nhiều giá trị lịch sử, văn hóa sâu sắc được đồng đảo người dân trong và ngoài tỉnh biết tới, xứng đáng với tầm vóc, ý nghĩa của chiến thắng Xương Giang trong lịch sử dân tộc.

Tiến hành khảo sát, điều tra chuyên sâu về văn hóa phi vật thể của các làng xã xung quanh thành Xương Giang như các làng: Thành,

Vẽ, Hòa Yên, Vĩnh Ninh... Đây chính là nơi lưu giữ nhiều giá trị văn hóa cổ truyền của Lễ hội Xương Giang xưa như cách thức tế lễ, rước, các trò chơi dân gian, ẩm thực dân gian... Từ kết quả này để xây dựng, bổ sung nội dung và hình thức tổ chức lễ hội sao cho bảo tồn được những vốn cổ nhất của các làng trong Lễ hội Xương Giang hàng năm.

Cần xây dựng một nhà trưng bày các tài liệu, hiện vật phát hiện được tại thành Xương Giang. Trong đó, giới thiệu các tài liệu như sơ đồ thành cổ Xương Giang, sơ đồ mô tả các trận đánh; các hiện vật khai quật được tại thành Xương Giang như đạn đá, gạch xây thành, thóc gạo cháy... nhằm giúp nhân dân hiểu sâu sắc thêm về di tích và nguồn gốc của lễ hội. Đồng thời, còn là nơi bán các đồ lưu niệm, sản vật địa phương, các ấn phẩm, băng đĩa giới thiệu về di tích và Lễ hội Xương Giang.

Nghiên cứu nâng cấp Lễ hội Xương Giang thành lễ hội cấp tỉnh do UBND tỉnh đứng ra tổ chức vào những năm chẵn (có số cuối cùng là 0) kỷ niệm chiến thắng Xương Giang; còn những năm tròn (có số cuối cùng là 5) giao cho thành phố Bắc Giang tổ chức; những năm lẻ giao cho Phường Xương Giang chủ trì, phối hợp với các đơn vị, địa phương liên quan tổ chức./.



Giám sát thực hiện chính sách, pháp luật về phát triển khoa học công nghệ khu vực Trung du và miền núi phía Bắc

Ngày 19/2/2016, Ủy ban Thường vụ Quốc hội phối hợp với UBND tỉnh Yên Bái tổ chức Hội nghị Giám sát Hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về phát triển khoa học công nghệ nhằm thúc đẩy công nghiệp hóa, hiện đại hóa, giai đoạn 2005 - 2015 và định hướng phát triển giai đoạn tới, trong đó chú trọng đẩy mạnh công nghiệp hỗ trợ và cơ khí chế tạo khu vực Trung du và miền núi phía Bắc. Đồng chí Phan Xuân Dũng - Ủy viên BCH TW Đảng, Chủ nhiệm Ủy ban khoa học, CN&MT chủ trì. Tham dự Hội nghị còn có các nhà khoa học; đại diện các trường đại học; đoàn đại biểu 15 tỉnh và một số doanh nghiệp khu vực Trung du và miền núi phía Bắc.

Trong giai đoạn 2005-2015, khu vực Trung du và miền núi phía Bắc đã xây dựng 54 văn bản chính sách về phát triển khoa học và công nghệ (KH&CN); tổng đầu tư của ngân sách cho KH&CN của vùng là 3,823

tỷ đồng, trong đó kinh phí sự nghiệp KH&CN là 1,921 tỷ, kinh phí cho đầu tư phát triển KH&CN là 1,902 tỷ đồng. Công tác nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ đã hướng tới gắn kết KH&CN với các ngành sản xuất, ứng dụng mô hình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt theo tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP; các lĩnh vực về khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật và công nghệ, khoa học nông nghiệp, y dược, khoa học xã hội và nhân văn đã góp phần nâng cao năng lực sản xuất, kinh doanh, tiếp cận thị trường, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho đồng bào, tạo đà cho phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng trên địa bàn; các nghiên cứu về công nghệ xử lý môi trường, công nghệ vật liệu mới, công nghệ chế biến đã bước đầu được triển khai; nhiều mô hình thử nghiệm liên quan đến nuôi cấy mô, bảo tồn nguồn gen được trình diễn có triển vọng nhân rộng và phát triển tại

các địa phương. Đã có 4/15 tỉnh đánh giá được trình độ công nghệ hiện tại của địa phương; nhiều cơ chế chính sách khuyến khích doanh nghiệp được thực hiện. Các hoạt động sở hữu trí tuệ, phong trào lao động sáng tạo, phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật được quan tâm và đẩy mạnh.

Báo cáo tại Hội nghị, đồng chí Dương Văn Thái - Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, PCT UBND tỉnh Bắc Giang đã khẳng định vai trò, tầm quan trọng của KH&CN đối với quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa của tỉnh, đặc biệt là tạo ra các sản phẩm nông sản chủ lực của tỉnh như: Vải thiều Lục Ngạn, mỳ Chũ, gà đồi Yên Thế, rượu Làng Vân, gạo thơm Yên Dũng... Tuy nhiên, đối với điều kiện của tỉnh Bắc Giang, trong quá trình thực hiện vẫn còn gặp nhiều khó khăn như: Cơ chế chính sách sử dụng đất đai để hình thành vùng sản xuất tập trung; lựa chọn công nghệ bảo quản nông sản; kinh phí



Toàn cảnh Hội nghị

cho KH&CN còn hạn hẹp; chưa có cơ chế chính sách thu hút doanh nghiệp đầu tư cho KH&CN. Đồng chí cũng đề xuất Chính phủ, các Bộ tiếp tục hoàn thiện hệ thống chính sách các văn bản quy phạm pháp luật, trong đó, chú trọng hoàn thiện văn bản hướng dẫn về cơ chế tài chính, cơ chế chính sách về đầu tư, chuyển giao trình độ công nghệ, thẩm định công nghệ...; tăng cường đầu tư đồng bộ các yếu tố cả về nhân lực, tài chính, máy móc trang thiết bị để nâng cao hiệu quả hoạt động, đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ của công tác quản lý nhà nước về KH&CN; công tác quản lý nhà nước về KH&CN cần tiếp tục đổi mới để đáp ứng nhu cầu thực tiễn, đồng thời tiếp tục hoàn thiện hệ thống

pháp luật nhằm đẩy mạnh nghiên cứu và ứng dụng KH&CN...

Tại Hội nghị, các thành viên trong Đoàn Giám sát đã trao đổi làm rõ những bất cập, khoảng trống về chính sách, pháp luật về phát triển KH&CN. Để hoạt động KH&CN khu vực Trung du và miền núi phía Bắc phát triển thực chất, có hiệu quả trong thời gian tới cần phải tiếp tục thay đổi hệ thống chính sách pháp luật cho phù hợp; khi đề xuất nhiệm vụ cần phải xem xét nhu cầu thực tiễn của địa phương, người dân cần gì, muốn gì; lựa chọn cơ quan chủ trì, chủ nhiệm cần phải tuyển chọn, giao cho những người thực sự có chuyên môn; chú trọng đầu tư về cơ sở hạ tầng như giao thông, thủy lợi; cần có chính

sách thu hút, kêu gọi doanh nghiệp đầu tư cho KH&CN; các sản phẩm muốn được nâng cao phải chế biến, có phương thức quảng bá, xúc tiến thương mại riêng cho từng sản phẩm; cần có giải pháp liên kết, phối hợp giữa các tỉnh trong vùng để tận dụng, nhân rộng được các kết quả nghiên cứu.

Cùng với Hội nghị Giám sát, có 24 gian hàng giới thiệu những sản phẩm là thành tựu phát triển KH&CN phục vụ phát triển kinh tế - xã hội khu vực Trung du và miền núi phía Bắc giai đoạn 2005 - 2015./.

Phòng CĐ-TV

Phó Chủ tịch UBND tỉnh kiểm tra tiến độ thực hiện dự án khoa học và công nghệ

Ngày 25/2, Phó chủ tịch UBND tỉnh Dương Văn Thái đã kiểm tra đối với 2 dự án: “Xây dựng mô hình chuyển giao công nghệ sản xuất rau an toàn theo VietGAP bằng chuỗi liên kết sản xuất - bảo quản - tiêu thụ tại huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang” do UBND huyện Yên Dũng chủ trì thực hiện và “Ứng dụng khoa học kỹ thuật để phát triển vùng nguyên liệu địa hoàng theo hướng GACP-WHO và chế biến một số thành phẩm từ địa hoàng” do Công ty Cổ phần Dược phẩm Bắc Giang chủ trì thực hiện.

Theo báo cáo của cơ quan chủ trì dự án “Xây dựng mô hình chuyển giao công nghệ sản xuất rau an toàn theo tiêu chuẩn VietGAP bằng chuỗi liên kết sản xuất - bảo quản - tiêu thụ tại huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang”. Đến nay, dự án đã khảo sát và có chứng nhận các mẫu phân tích vùng sản xuất rau an toàn; thành lập được Hợp tác xã Dịch vụ nông nghiệp và môi trường xã Cảnh Thụy; tổ chức 3 lớp tập huấn chuyển giao kỹ thuật cho người dân; xây dựng mô hình sản xuất rau bắp cải với quy mô 5ha, năng suất trung bình đạt 25 tấn/ha và 3ha mô hình rau bắp cải vụ xuân 2016. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện còn gặp một số khó khăn, đơn vị chủ trì cũng xin đề xuất điều chỉnh một số nội dung cho phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương và người dân như: Giảm mô hình sản xuất cải xanh trái vụ; bổ sung xây dựng hệ thống nhà lưới thay cho nhà vòm bằng khung sắt và nhà thu gom sơ chế.

Đối với dự án “Ứng dụng khoa học kỹ thuật để phát triển vùng nguyên liệu địa hoàng theo hướng GACP-WHO và chế biến một số thành phẩm từ địa hoàng” hiện đã hoàn thành nội dung điều tra, khảo sát vùng trồng và phân tích mẫu; xây dựng thành công mô hình sản xuất củ giống 1ha tại xã Dĩnh Trì, năng suất đạt 10,2 tấn/ha, mô hình sản xuất địa hoàng nguyên liệu 32,959ha tại các xã: Nghĩa Hưng (Lạng Giang), Tam Dị (Lục Nam) và Dĩnh Trì (thành phố Bắc Giang) với năng suất 14,2 tấn/ha; mô hình sấy công nghiệp chế biến 30 tấn dược liệu địa hoàng, 6 tấn thực địa; đào tạo cán bộ kỹ thuật và tổ chức các lớp tập huấn cho người dân.

Qua buổi kiểm tra, đồng chí PCT UBND tỉnh đánh giá cao kết quả đạt được của 2 dự án; trách nhiệm của các cơ quan quản lý, cơ quan chủ trì, chủ nhiệm đã bám sát trong quá trình triển khai đề tài, dự án; biểu dương doanh nghiệp và bà con nông dân đã đầu tư vốn, tuân thủ nghiêm ngặt các quy trình trong quá trình thực hiện. Đồng chí cũng cho rằng, việc triển khai thành công 2 dự án là tiền đề để nhân rộng và quy hoạch vùng sản xuất tập trung; kết quả của dự án đã tác động làm thay đổi nhận thức của người dân trong đầu tư, áp dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất. Tuy nhiên, trong thời gian tới, đồng chí đề nghị: Cơ quan chủ trì các dự án cần tiếp tục bám sát, quản lý chặt chẽ các nội dung dự án, tập trung tuyên truyền cho bà con nắm rõ quy trình sản xuất; cơ quan quản lý địa phương cần phải phân công theo dõi trong quá trình triển khai để kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc, rà soát, đánh giá các nội dung đã, đang, tiếp tục triển khai và báo cáo định kỳ; yêu cầu khi đề xuất dự án cần nghiên cứu điều kiện thực tiễn của địa phương và nhu cầu của người dân. Đối với Sở KH&CN, đồng chí yêu cầu tiến hành kiểm tra, đánh giá tất cả các dự án đang triển khai trên địa bàn tỉnh để kịp thời giải quyết khó khăn, vướng mắc; chú ý trong thẩm định, lựa chọn dự án và hoàn thiện hồ sơ để điều chỉnh tiến độ dự án. Trong năm 2016, đồng chí sẽ tiếp tục tiến hành kiểm tra đối với các đề tài, dự án đang triển khai trên địa bàn tỉnh./.

Phòng CĐ-TV